

CÁI CHẾT TRONG QUAN NIỆM CỦA NGƯỜI AREM

TRẦN ĐÌNH HẰNG*

I. VAI NÉT VỀ CỘNG ĐỒNG AREM TẠI VIỆT NAM

Trên danh mục thống kê Nhà nước Việt Nam, người Arem được xem như là nhóm địa phương của người Chứt nói ngôn ngữ Việt – Mường (bao gồm người Sách, Mày, Mã Liếng, Rục, Arem). Người Arem sống tập trung ở xã Tân Trạch, trong một bản duy nhất, tên gọi trước đây là bản Tà Rét, nay thường gọi là bản 39⁽¹⁾. Trong địa bàn tỉnh Quảng Bình, từ thị trấn Hoàn Lão (huyện Lệ Bố Trạch) theo đường 2 lên đến Phong Nha, cũng là nơi có địa danh lịch sử bến phà Xuân Sơn. Từ Xuân Sơn theo đường 20 lên đến km 37, có thể vào đến Tân Trạch theo hai con đường: Con đường thứ nhất rẽ phải men theo đường mòn đi tắt vào khoảng hơn hai tiếng đồng hồ đi bộ; hoặc con đường thứ hai từ km 37 đi tiếp đến km 39, có con đường chính đi vào bản và nếu đi bộ, cũng mất khoảng hai giờ. Hiện nay, con đường này đã được nâng cấp, ô tô có thể vào đến tận bản. Theo dõi quá trình tụ cư trong mấy mươi năm trở lại đây, có thể thấy người Arem cư trú ở phía cực Tây và là phía Nam của địa bàn các nhóm thiểu số nói ngôn ngữ Việt – Mường ở Quảng Bình. Quá trình định canh định cư và tình hình dân số của họ cũng có nhiều biến động⁽²⁾:

THỜI ĐIỂM	ĐỊA ĐIỂM	SỐ DÂN
Năm 1956	Các hang đá trên địa bàn từ Phong Nha lên đến Thượng Trạch	Không rõ
Năm 1961	Xã Tân Trạch	< 100 người
Những năm sau	Số lớn bị chết do chiến tranh, còn lại sống rải rác trong rừng	Không rõ ³
Năm 1981	Hung Va (Tân Trạch)	72 người/16 nhà
	Bản Bản (Thượng Trạch)	06 người
Năm 1983	Chuyến ra khu vực km 12 của đường 20	74 người
Năm 1985	Như trên	75 người
Năm 1990	Không sống tập trung ở đó nữa mà đã tản ra khắp nơi trong rừng. Số ít còn tập trung ở Hung Va	56 người
5/1991	Vùng suối Thọ Diên	18 người/5 nhà
	Vùng Bùng Cú	14 người/4 nhà
	Rải rác ở Hung Va, Bản Bản	14 (tổng: 46 người)
12/1993	Đã tập trung về bản 39	83 người/23 nhà ⁴
12/1994	Như trên	113 người ⁵
Năm 2003	Như trên	182 người/57 nhà ⁶

DIỄN TRÌNH DÂN SỐ AREM

Năm	1956	1961	1981	1983	1985	1990	1991	1993	1994	2003
Dân số	--	<100	78	74	76	56	46	83	77	181

Chúng tôi chưa có dịp khảo sát thực tế tại những địa bàn sinh sống trước đây của người Arem. Tuy nhiên, ở địa điểm hiện tại, kết quả thăm dò cho thấy điều kiện sống của đồng bào nói chung còn rất khó khăn. Xét trong tổng thể địa hình địa mạo ở đây thì bản 39 là một thung lũng tương đối hẹp, xung quanh được bao bọc bởi nhiều núi cao dựng đứng. Quan hệ giao lưu của người Arem với bên ngoài, duy nhất chỉ thực hiện được qua con đường nhỏ ra đường 20. Có thể hình dung địa bàn của bản 39 như một mô

*. Phòng Nghiên cứu, Viện Nghiên cứu Văn hoá Nghệ thuật miền Trung tại Thành phố Huế.

hình thu nhỏ của sườn đông Trường Sơn bởi ba nếp gấp của địa hình: Thứ nhất nơi cư trú, thứ hai khu vực nhà chòi canh tác và thứ ba rục nước, tức khe Cà Roòng.

Từ khu cư trú, men theo đường mòn ven triển núi đi bộ xuống khoảng hai giờ sẽ đến khu canh tác – nơi có 12 *riu-âm-roop* (nhà chòi canh tác⁽⁷⁾). Khu sản xuất này kéo dài xuống đến tận rục nước. Với diện tích khoảng hơn 18 ha, hoàn toàn không có ruộng nước, người Arem chỉ canh tác nương rẫy với các giống lương thực chính như sau:

STT	LƯƠNG THỰC	QUY TRÌNH CANH TÁC
1	Lúa (A lô)	Mỗi năm một vụ, bắt đầu từ tháng 4, thu hoạch vào tháng 8 và tháng 9.
2	Ngô (Pô)	Mỗi năm một vụ, bắt đầu từ tháng 12, thu hoạch vào tháng 4 và tháng 5.
3	Cà phê (đang)	Tổng từ tháng 1, tháng 2 và được thu hoạch quanh năm.

Khái niệm kinh tế sản xuất ở đây, theo chúng tôi, còn rất lỏng lẻo bởi ngoài kinh tế nương rẫy, với hệ cây lương thực thực phẩm căn bản như đã đề cập, người Arem không chú trọng phát triển vùng trồng trọt lẫn chủng loại nuôi trồng kể cả trong ý nghĩ của người dân. Từ ngày được định cư, người Arem có một khuôn viên nhà, được gọi là vườn, hàng rào chủ yếu vẫn là tự nhiên và ở đó, người ta chỉ trồng một ít cây thuốc lá dùng để hút; một số loài cây như cam, chuối trong chương trình khuyến nông vẫn tiếp tục được tiến hành nhưng hiệu quả vẫn còn thấp. Ngoài ra, các loài gia súc, gia cầm như chó (*a choô*), lợn (*cũl*), bò (*bô*), gà (*la kēh*), cũng chỉ được chăn thả rộng một cách tự do⁽⁸⁾. Ngay cả ý thức sở hữu vật nuôi tồn tại một cách mờ nhạt thì khó có thể thuyết minh rằng những vật nuôi đã có từ lâu đời ở cộng đồng Arem. Bởi chúng tôi đã gặp nhiều trường hợp, một số người Arem còn không biết những con gà trống lớn

của mình, thậm chí bò nuôi trong chương trình dự án phải đánh số thứ tự mới biết.

Trong lúc nền kinh tế sản xuất mới đang trong quá trình thuyết phục ưu thế trong lòng đồng bào, thì thói quen từ nền kinh tế tự nhiên lại chịu nhiều sự hạn chế bởi chương trình bảo vệ các nguồn lâm sản của Rừng quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Cho nên, cuộc sống của đồng bào hiện nay chủ yếu lệ thuộc vào các chương trình dự án định canh định cư của Nhà nước bằng các phương thức tài trợ và cung cấp nhu cầu trực tiếp, cả trên thực tế lẫn trong nhận thức. Ngoài thời gian lên rẫy, phần lớn người Arem thường uống rượu và hút thuốc. Điều làm chúng tôi băn khoăn không lí giải được là tại sao trên một nền tảng kinh tế và tiện nghi sinh hoạt đơn giản như vậy mà người Arem lại tồn tại một hệ thống lễ nghi, quan niệm nhân sinh và thế giới chặt chẽ đến phức tạp, đặc biệt là hệ thống lễ tiết liên quan đến cái chết. Từ những đặc điểm nêu trên, chúng tôi thử lí giải nguyên nhân và các mối liên hệ xung quanh vấn đề này.

II. CÁI CHẾT TRONG QUAN NIỆM CỦA NGƯỜI AREM

1. Quan niệm của người Arem về con người và thế giới

Trước hết, người Arem cho rằng, con người và vạn vật đều có hai phần: HỒN và XÁC, tức cũng thuộc quan niệm về vạn vật hữu linh để tạo nên thế giới. Cụ thể là con người (*lu cuối*) khi sống, ngoài phần THỂ XÁC (được định danh đầy đủ cho từng bộ phận riêng biệt như *ơ cơ liếc* [trán], *mù mặt* [mặt] *m'rúp* [ngực], *chinh* [chân], *thi-u-i* [tay], v.v...), còn có yếu tố

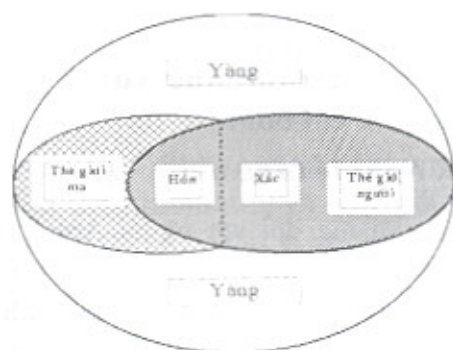
LINH HỒN ngự trị và điều khiển mọi hoạt động sống, mà người ta cũng gọi là P'CHÍT (ma). Cuộc đời con người được giới hạn trong quá trình sống, bắt đầu từ khi SINH (yōo) và kết thúc khi CHẾT (chiết). Nguồn gốc của những trường hợp ốm đau bệnh tật được giải thích bởi sự quấy phá của ma ở ngay trong các bộ phận cơ thể.

Cái chết chính là thời điểm mà hồn rời khỏi xác, con người không còn sống ở thế giới người mà sẽ sang thế giới ma, mãi mãi không tái sinh. Cũng như nhiều cộng đồng khác, người Arem quan niệm cái chết bao gồm cả CHẾT TỐT (chiết nây iem: Chết bình thường [già rồi chết], chết vì cộng đồng) và CHẾT XẤU (chiết iem: Bất đắc kì tử [bệnh tật, tai nạn]).

THẾ GIỚI MA cũng như thế giới người, cũng ăn uống, sinh hoạt, sản xuất, săn bắt... nhưng ở đó hoàn toàn U TỐI và TĨNH LẶNG. Con người không thể nhìn thấy và can thiệp vào thế giới ma mà ngược lại, ma luôn nhìn thấy và có thể dễ dàng làm gì tùy thích, với đặc điểm nổi bật là ma rất khỏe và lại luôn muốn giành giật mọi thứ với con người để đem tất cả - kể cả nhân mạng - sang thế giới ma. Con người chỉ thực sự chết - hồn lìa khỏi xác - khi phân xác đã được mặt đất thu giữ. Ranh giới này được phân định không mấy rõ ràng bởi trong cuộc sống, người duy nhất có thể nhìn thấy ma và có phương sách trừ yểm, chế ngự ma là THẦY MO (Say p'rieng) thông qua nghi thức cúng bái, bùa chú. Từ đó, người Arem cho rằng, chỉ có cái chết tốt mới dễ dàng được trở về trú ngụ tại CỘT MA của gia đình, còn cái chết xấu sẽ rất khó

khăn, lang thang ngoài nghĩa địa, ngoài rừng, trong đêm tối mịt mù.

Bao trùm lên thế giới người và thế giới ma là một thế giới rộng lớn đến vô cùng của các YÀNG, hay còn gọi là CÀMU P'CHÍT (thần), cao nhất là Yàng Klời (thần Trời), và sau đó là các Yàng cụ thể như Yàng Deer tóo (thần khe suối), Yàng Cu (thần lửa), Yàng Dūun (thần núi), Yàng Tǎng xóc (thần rừng), Yàng Mia (thần mưa), Yàng Kgiōo (thần gió), v.v....



Mối quan hệ giữa thế giới người - thần hay giữa thế giới thần - ma được hiểu một cách đơn giản và không mấy rạch ròi, cụ thể. Điều có thể nhận thấy rằng, đối tượng thần ở đây chính là cảm giác an tâm của cộng đồng trước thế lực siêu nhiên, đối thoại bình đẳng và hoàn toàn không sợ sệt tất cả những nỗi sợ hãi, âu lo như chỉ dành riêng cho ma mà thôi. Phần hữu hình của các thần biểu hiện trong môi trường - nguồn sống của cộng đồng và quá trình đối thoại ở đây thuần túy như giữa tầng trên và lớp dưới, con người chỉ cầu an mà không chống lại. Điều đó hoàn toàn ngược lại trong quan hệ giữa người và ma. Con người phải xây dựng nên cả một hệ thống lễ nghi, bùa chú đầy đủ đến phức tạp để đưa ma tốt về với gia đình, trừ khử và ngăn chặn tối đa mọi nguy cơ ma xấu có thể làm phương

hại đến cộng đồng. Do vậy, trong cuộc sống, con người ngoài việc mưu sinh một cách thuần túy là kiếm ăn, còn phải tìm mọi cách để giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa người và ma, hầu mong một cuộc sống an lành trên tinh thần đối thoại, bình đẳng, thân thiện. Xuất phát từ đó chúng tôi nhận thấy rằng, cái chết và những vấn đề nhân bản xung quanh nó đã trở thành một điểm tối quan trọng trong đời sống của người Arem, bao gồm cả những lễ thức trực tiếp liên quan đến người chết, những kiêng khem, sự cầu cúng, v.v...

2. Phương thức ứng xử và phòng ngừa trước cái chết

2.1. Nghi lễ tang ma

Thế giới ma đối với người Arem cũng tương tự như trần thế, có cả ma tốt lẫn ma xấu, với đời sống sinh hoạt không khác người trần nhưng lại luôn tồn tại trong u tối, tĩnh lặng và cả trong sự bản thủ. Điều đó cũng có nghĩa là đối với người sống, ma rất sợ lửa (ánh sáng), nước và tiếng động rộn ràng. Con người khi chết cũng được người sống đối đãi bình đẳng như mọi thành viên trong gia đình để mong người ra đi được trở thành ma tốt, không thành ma xấu trở về quấy phá. Người chết được mang theo (có thể liệm theo hoặc để trên huyết mộ) một phần vật gia dụng, công cụ sản xuất như quần áo, nồi bát, cung nỏ, v.v... Thậm chí tập tục trước đây còn cho phép người mẹ đang thời cho con bú mà chết được mang theo luôn con xuống mồ (*d'hom mnai tip*) ở khu *apui* (nghĩa địa). Có ý kiến cho rằng khi chôn cất, người ta đặt một hòn đá trên đầu và phần cuối ngôi mộ để đánh dấu. Nếu là đàn ông thì thi thể được đặt quay đầu về phía mặt trời mọc và đàn

bà thì ngược lại⁽⁹⁾. Theo dõi quá trình thực hiện nghi lễ tang ma của người Arem, có thể nói, phần lễ thức sau khi chôn mới thật phong phú và ý nghĩa, tạo nên một hệ thống lễ thức phức tạp, thể hiện rõ nét quan niệm nhân sinh của cộng đồng.

QUY TRÌNH NGHI LỄ TANG MA



Thông thường tập tục người Arem quy định thi thể người chết chỉ được để trong nhà một đêm. Sau khi chết, hồn lia khỏi xác, sống vất vưởng xung quanh và người ta cũng cúng thức ăn cho ma. Cho dù là lạnh hay dữ, để an toàn tuyệt đối cho cộng đồng về mặt tâm linh, mọi cái chết đều tuân thủ quy trình tang lễ ngặt nghèo và phải sau khi hoàn tất lễ đưa ma, ma tốt mới được về nhà tổ tiên. Ngoài việc cúng quảy thường xuyên, địa điểm chôn huyết mộ phải xa nơi cư trú, ở bên kia khe nước (cũng tương tự quan niệm của người Makoong cận cư) và được ma đồng ý bằng dấu hiệu quả trứng gà vỡ từ tay ông cậu ném. Huyết mộ ở đây không được đắp cao thành nấm mồ như người đồng bằng. Sau khi chôn, người ta tiến hành hàng loạt nghi lễ để hạn chế sự trở lại của ma xấu khi chưa được phép – tức là chưa hoàn tất các nghi lễ. Cả đoàn người đưa tang cầm đuốc, gậy gộc, đất đá, bắn tên, la hét, đi giạt lùi về nhà.

Kể từ sau khi chôn, người ta tuyệt nhiên không hề trở lại thăm mộ mà gia đình chỉ chọn một địa điểm bất kì, cao ráo, thường là có một tảng đá to, trên đường ra nghĩa địa nhưng phải Ở BÊN NÀY KHE SUỐI, để làm bàn thờ tạm và

tiến hành đưa cơm cho ma liên tục trong bốn ngày, mỗi ngày hai bữa sáng, chiều. Lễ vật đưa cơm bao gồm một thanh củi cháy, cơm, một ít thức ăn, trâu, rượu và thuốc lá, do người anh cả trong gia đình mang ra. Người ta ngồi xung quanh tảng đá, bày biện lễ vật và cùng nhau lầm rầm khấn nguyện, mời ma ăn cơm ở đây, đừng về quấy phá gia đình và dân bản. Nghi thức ở bản thờ tạm này chỉ tiến hành và có ý nghĩa trong 4 ngày đưa cơm, nghĩa là trong thời điểm ma lang thang vất vưởng ngoài rừng, không thể về nhà. 5 ngày đó là khoảng thời gian để cho hồn thực sự lia khỏi xác, để hoặc có thể về nhà nếu là ma tốt và đã qua các khâu nghi lễ; hoặc vĩnh viễn đi vào thế giới ma.

Cho đến ngày đưa ma, tức là sau 5 ngày (1 ngày chôn và 4 ngày đưa cơm), người ta cũng làm lễ đưa ma (*palai p'chít*) về nhà. Quy mô to, nhỏ của buổi lễ tùy thuộc điều kiện kinh tế của gia đình mà có thể làm bò, heo (to hoặc nhỏ) hay gà để cúng ma. Lễ vật ở đây cũng tương tự như lễ đưa cơm thông thường nhưng có thêm một ít gan con vật cúng. Đoàn đưa ma sau phần nghi lễ cũng để lại toàn bộ ở bản thờ tạm rồi trở về nhà, vẫn là người anh trai cả cầm đuốc đi sau cùng và đi vào qua lối cửa sổ ma để vào trú ngụ tại cột ma. Lễ cúng ma lúc đó là cúng cho cả ma mới – người mới chết và ma cũ, tức là ma ông bà tổ tiên đã mất trước đó. Lễ vật dâng cúng ma mới bao gồm một ít cơm, bộ gan con vật cúng, trâu, rượu và cây nến. Ông bác khấn nguyện mời ma mới về nhà dự chút lễ bạc, ở tại cột ma cùng với các ma cũ. Sau đó đến lễ cúng ma cũ cùng với lời khấn tương tự nhưng lễ vật là cơm và toàn bộ thịt con vật cúng còn lại. Ông bác khấn thông báo kết quả và hỏi ý kiến ma

thông qua việc xin keo. Sau đó, bữa tiệc linh đình kéo dài mãi đến chiều tối, hết cơm, rượu thịt mới thôi⁽¹⁰⁾.

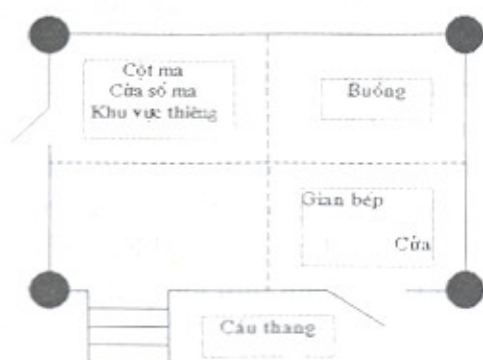
Điểm đặc biệt là toàn bộ nghi lễ này đều chỉ diễn ra ở nhà ông bác, tức là cũng theo định chế dòng đích như người Việt ở Bắc Bộ. Sau lễ đưa ma, ma mới chính thức được về an trú trong cột ma của gia đình và người ta hoàn toàn không có chuyện giỗ kỵ hay chạp mộ. Ma lúc này đã trở nên gần gũi và bình đẳng hơn đối với mọi thành viên trong gia đình. Mỗi dịp trong nhà có việc vui mừng hay đau thương, có khách đến chơi hay đi rừng kiếm được thứ gì đó, trước khi ăn cơm, người chủ gia đình thường khấn mời, đơn giản và thân thiện như lời mời một thành viên lớn tuổi nhất, đại ý: “*Hôm nay nhân dịp..., có mấy món ăn ngon, tao mời ma về ăn trước, ăn xong cứ ở yên trên cột ma, giúp đỡ cả nhà tao làm rẫy tốt, trong nhà khoẻ mạnh, có nhiều thứ...*”. Nghi lễ chỉ diễn ra trong vài phút, và bữa cơm bắt đầu. Qua ngày hôm sau, thấy ma còn phải tiến hành nghi lễ tẩy trừ tà ma cho nhà có tang, cụ thể và trực tiếp là ông bác. Thấy mơ dùng nước phun lên đầu người đại diện cho gia đình, làm phép và lầm rầm khấn nguyện, sau đó dùng lược chải xua sạch mọi uế tạp trên người ông, không cho ma ngửi mùi lần tìm theo để bắt các thành viên trong gia đình, gây họa cho bà con dân bản.

2.2. Trong đời sống hằng ngày

Nơi thiêng liêng nhất ở ngôi nhà của người Arem chính là CỘT MA (*ũh roong p'chít*), có nghĩa là cột thờ ma tổ tiên. Tuy vào kiến trúc ngôi nhà mà cột ma có thể nằm ở bên phải hoặc bên trái nhưng luôn là cột trong cùng, cạnh đó có cửa sổ chỉ

dành riêng cho ma ra vào. Trên cột ma, không được treo móc bất cứ vật dụng gì và gian nhà đó trở thành gian thiêng: chỉ dành tiếp khách, phụ nữ trong gia đình không được đặt chân đến, trừ bà nội; mọi người khi nằm phải quay đầu về phía cột ma. Không ai được ngồi hay đặt chân lên nơi cửa sổ dành riêng cho ma đi về (*ah bô*).

SƠ ĐỒ MẶT BẰNG NGÔI NHÀ



Ngoài ra, trong ngôi nhà của người Arem còn có một bàn thờ khác dùng để cúng bái khi nhà có người thân bị đau ốm hay tai nạn. Bàn thờ là một khúc gỗ được nối dài từ mái chái phía trên cột ma. Mỗi lần cúng, thầy mo đặt lên đó một hoặc hai vòng tre đan (*k'nung p'riêng*) và vài cành hoa p'riêng lèo (loài hoa duy nhất được dùng để cúng) như là vật khắc chế, trừ yểm tà ma, xúi quẩy trong nhà. Vòng tre này có thể được đặt lâu dài hoặc cũng có thể đốt đi ngay sau khi cúng xong. Trong nhiều ngôi nhà, chúng tôi cũng bắt gặp nhiều cành "*bi bi*" được treo ở hai bên cửa ra vào và chủ nhà cũng giải thích với ý nghĩa tương tự.

Lâu nay, chúng ta thường lạm dụng cụm từ "*Hữu sinh vô dương*" để chỉ tình trạng tỉ lệ chết rất cao so với tỉ lệ sinh ở vùng này. Thực tế là người Arem, mặc dù chỉ ở một trình độ phát triển kinh tế sản xuất đậm chất nguyên thủy nhưng trong

quan niệm của họ, cũng đã hình thành nên một hệ thống tín ngưỡng và phương thức ứng xử độc đáo để giải quyết vấn đề này. Như trên đã nói, cái chết rất khủng khiếp đối với họ, đặc biệt là những cái chết xấu và ở đây, người ta cũng có phương thức tối ưu để chế ngự tất cả những tác hại do ma xấu gây ra có thể làm phương hại đến con người. Điều đó còn thể hiện rất rõ trong việc sinh nở cũng như những kiêng kham hay chữa bệnh.

Trong bản thường có một vài thầy mo (say p'riêng, hiện nay là 5 người) hành nghề trong vai trò là thầy thuốc lẫn thầy cúng. Người phụ nữ khi mang thai phải thường xuyên mời thầy khám, làm phép cho thai nhi khỏe mạnh, thuận thai khi sinh. Đặc biệt, khi thai nhi được khoảng 6 - 7 tháng, ông thầy mo dùng một quả trứng gà, sau khi làm phép, lấy trứng đưa lên soi vào bụng bà mẹ, qua đó ông thấy được thai nhi là trai hay gái, khỏe mạnh hay không, khi sinh sẽ thuận hay nghịch... để từ đó ông có biện pháp điều trị cho đến khi mẹ tròn con vuông. Đường như biện pháp này thiếu cơ sở khoa học nhưng theo kết quả thăm dò, đối với người Arem, phần lớn họ vẫn còn tỏ ra rất tin tưởng phương thức giải quyết này.

Với quan điểm hiện đại, chuyện tiếp tục duy trì việc phụ nữ khi sinh bị ngăn cách ở chòi lá ngoài góc vườn, không ai lui tới ngoài người chồng, ngay sau khi sinh phải xuống suối tắm rửa và qua ba ngày, mọi sinh hoạt trở lại bình thường, v.v... đã trở thành quá lạc hậu. Tuy nhiên, người Arem vẫn có cách lí giải của riêng mình. Người ta cho rằng, máu của sản phụ khi sinh nở là chất ô uế nhất, nguy cơ ma xấu kéo đến nên bằng mọi cách phải tránh xa. Thậm chí khi sinh, thầy

mo dō dē cũng hoàn toàn không được can thiệp trực tiếp đến quá trình sinh nở mà chỉ được dùng tay, miệng làm phép, vuốt và dè từ ngực sản phụ xuống dần đến bụng. Nếu chẳng may có một giọt máu sản phụ vương vào người thầy mo thì ngay sau đó, gia đình phải mang lễ vật – ít nhất là vò rượu, có khi cả gà, lợn - đến tạ lỗi, để thầy mo làm phép giải trừ. Sản phụ sau khi sinh cũng phải thực hành nhiều nghi thức để gội rửa mọi uế tạp bằng cách sớm ra khe suối tắm rửa và phải thường xuyên uống một thứ nước lá cực đắng nhằm thông huyết và sạch bụng.

Trong những trường hợp bệnh tật khác, người Arem còn có nhiều phương cách chữa trị, nhằm ngăn chặn ma đến cướp người. Về phương diện y học, rừng núi là cả một kho dược liệu quý mà thực tế cuộc sống nghìn đời tổ tiên họ đã trải nghiệm, đúc kết (như những cây *hau tau pung* chữa đau bụng, cây *tâu u lóc* chữa đau đầu, cây *thing to* chữa rắn cắn, cây *quy cãm* chữa ong đốt, cây *cờ lo la hau* giải độc, v.v...) Ngoài ra, bên cạnh phương pháp xử lý nêu trên là cả một hệ thống phép thuật nhưng không phải không có trường hợp mang lại hiệu quả. Những vị thầy mo, thầy thuốc luôn niệm chú và thổi bùa phép khi chữa bệnh để đuổi ma cứu người. Ví dụ, người ta dẽ dàng nắn bóp và thổi phép (sau khi nhai củ *t'le*, hay còn gọi là củ thiếng liêng, tức là củ ngái) trong việc bó lành chân tay bị gãy, việc ngăn chặn những cơn đau đột ngột bằng phương pháp thần bí, bùa chú, v.v... vẫn là những biện pháp sử dụng khá phổ biến trong cộng đồng.

III. THÙ LẤN TÌM CỘI RỄ VẤN ĐỀ

Ngược dòng lịch sử, cộng đồng Arem trước thập niên 60 của thế kỉ XX vẫn phổ

biến lối sống du cư với từng nhóm cộng đồng nhỏ, trong các hang đá – lên đá, yếu tố kinh tế sản xuất đậm chất sơ khai. Với sự tác động của điều kiện tự nhiên (địa hình địa mạo bị cắt xẻ mạnh mẽ dữ dội đến cô lập) và lịch sử xã hội (chiến tranh), trên nền tảng kinh tế tước đoạt và tri thức y học bản địa, sự sống của con người hầu như phải luôn đối diện với nhiều khó khăn, với tử thần. Từ đó, cái chết đã trở thành nỗi ám ảnh kinh hoàng mà cả cộng đồng không thể giải quyết nổi, đặc biệt là trong những điều kiện phải thay đổi nơi cư trú, hay sự cố bất thường. Đối với quan niệm của người Arem, tất cả đều do ma và thực tế đã nảy sinh, hình thành nên phương thức duy nhất là cộng đồng tập trung giải quyết, nâng lên thành nghi lễ để chế ngự, trừ yểm nó.

Khi có người thân qua đời, họ để lại thi thể người chết trong hang đá và ra đi tìm nơi ở mới; hoặc cũng có thể những chòi lá phía trước hang sẽ bị đốn gãy cột, đổ sập xuống trên thi thể người chết và mãi mãi không bao giờ họ dám trở lại nơi đó một lần nữa. Dấu ấn đó cho đến tận giai đoạn hiện nay vẫn tồn tại rất đậm nét trong đời sống xã hội Arem. Khi nhà có tang, sau khi chôn cất - đưa ma, người ta vẫn không dám ngủ trong nhà mỗi khi đêm về mà phải khăn gói sang nhà khác ngủ nhờ bởi sợ ma. Con đường đi và địa điểm thiết lập bàn thờ tạm, khu nghĩa địa, đều là những nơi không ai dám đến đó. Vì những nơi đáng sợ này họ cũng sẵn sàng vứt bỏ cả nguồn nước, hay nguồn sản vật phong phú. Trong cuộc sống vốn nhiều tai ương, chẳng hạn do chiến tranh hay do đại dịch, theo diễn trình lịch sử cộng đồng Arem từ những năm 1960 trở lại đây, chúng ta thấy rằng có nhiều lúc,

nguy cơ suy vong bởi cái chết đe dọa đã từng diễn ra đối với họ.

Trong biểu đồ dân số Arem, một vấn đề cần lưu tâm là tỉ lệ chết khá lớn so với tỉ lệ sinh. Một khảo sát cuối năm 1994 cho thấy rất rõ điều đó⁽¹¹⁾:

Họ	Đình Chăm	Đình T'rau	Đình Hâu	Đình Ve	Đình Râu	Đình Lâu	Đình Lau	Đình Bu	Đình Uôn	Đình Đe	Y Bo	Y Phin
Tử/Sinh	2/4	3/6	1/3	1/2	1/4	4/8	2/5	4/8	5/13	6/7	5/5	4/6

Mặc dù tỉ lệ chết cao (đầu năm 2003, có hộ như Đình Bu là 7/12) nhưng trước hiểm họa kinh hoàng, người Arem vẫn sẵn sàng chôn con (còn bú) theo mẹ khi mẹ chết bởi ngoài ý nghĩa mang theo sang thế giới bên kia, hài nhi trong bối cảnh đó còn là nguy cơ thảm họa. Luật tục - tập quán pháp - của người Arem quy định rằng, khi người mẹ đang trong thời kì cho con bú mà chẳng may qua đời thì gia đình và cộng đồng buộc phải chôn theo cả người con cùng mẹ. Mọi tập tục đều được xây dựng, trải nghiệm dài lâu trong lịch sử, xuất phát từ thế giới quan, nhân sinh quan của cộng đồng trong một điều kiện địa lí tự nhiên, lịch sử xã hội tương ứng. Cái chết xấu nếu không được chế ngự, trừ yếm thì ma xấu sẽ trở về quấy rối gia đình, tàn phá cộng đồng. Người mẹ sinh con, đang tuổi sung mãn mà chết, đương nhiên bị quy về chết xấu và người bị ma đem đi đầu tiên, chính là đứa con. Trong quan niệm nhân sinh, núi cao trong hệ thống núi đá vôi dựng đứng Phong Nha - Kẻ Bàng như là những điểm tiếp xúc với Trời mà ở đó, nguồn nước luôn đặc biệt được coi trọng⁽¹²⁾. Ngày hội đập trống (*Vútít t'róóng* - tiếng Arem; *T'ranh chi cútít* - tiếng Makoong, là ngày tết cổ truyền của người Makoong

nhưng đã từ lâu đời, người Arem vẫn tham gia như ngày lễ trọng đại của chính họ) còn được gọi là NGÀY THIÊNG, tức là NGÀY CỦA TRỜI và bộ ngực của người phụ nữ trong quan niệm của họ chính là tài sản CỦA TRỜI ban. Cho nên,

khi tham gia đập trống, con trai được phép hưởng phần của trời chia ở người phụ nữ và nếu đồng ý, có thể tạo nên mối quan hệ không giới hạn cho tới sáng. Trống đánh suốt đêm, đến khi vỡ cả hai mặt mới thôi, như là kết quả mĩ mãn của cả một quá trình thông linh giữa TRỜI - NGƯỜI - ĐẤT, là tiền đề cho bao ước vọng một cuộc sống an lành, vạn vật sinh sôi nảy nở, mưa thuận gió hoà, v.v... Đằng sau tất cả những ý nghĩa nhân sinh - tâm linh đó, thực tế cuộc sống vẫn là một yếu tố chi phối mạnh mẽ, xuyên suốt, về khát vọng phồn thực mãnh liệt của cộng đồng khi tỉ lệ chết lại quá cao, có khi hơn 50% so với tỉ lệ sinh. Thực chất, suy cho cùng, trong xã hội Arem hay Makoong cổ truyền với nền kinh tế tự nhiên tước đoạt, sản bản hái lượm chủ đạo; kinh tế sản xuất sơ khai, v.v... đứa trẻ sơ sinh hầu như không có cơ hội sống sót sau khi nguồn sống duy nhất là sữa mẹ không còn nữa. Do vậy, trong bối cảnh đặc thù đó, việc cho mẹ con được đoàn tụ ở thế giới bên kia của người Makoong, ít nhiều vẫn được biện giải theo cái lí trong hoàn cảnh sống cụ thể của họ.

Qua tất cả lễ thức tiến hành như trên vừa trình bày, để đối phó với kẻ thù nguy hiểm nhất, hiểm họa khủng khiếp nhất là

các thế lực ma xấu, có thể thấy rằng dấu vết đời sống nguyên thủy vẫn còn rất đậm nét ở người Arem với các lực lượng tự nhiên hỗ trợ đắc lực, như những vị thần hộ mạng của cộng đồng: LỬA, NƯỚC, NÚI, RỪNG, LÊN ĐÁ. Trong đời sống tâm linh của người Arem, sự hiện diện của các yếu tố dưới mặt đất hay các yếu tố liên quan đến sản xuất như: ĐẤT, MÂY, MƯA, CÂY hầu như không mấy đậm nét. Trong mối giao hoà giữa TRỜI - NGƯỜI - ĐẤT, các thần giang sơn hiện diện thường xuyên và ở vị trí tối thượng, lòng đất không được chú ý tới, còn mặt đất cũng chỉ là điểm tiếp xúc để tách rời hoàn toàn phần xác và phần hồn người sau khi chết.

Tóm lại, thế giới ma là một thế giới gần như khác hẳn với thế giới con người, trong đó có một bộ phận ma xấu đã trở nên đối lập với người. Nhằm hạn chế tới mức thấp nhất mọi thiệt hại do ma gây ra đối với gia đình và cộng đồng, người Arem

đã có một phương thức ứng xử đa dạng, trên nhiều góc độ, suốt chu kỳ vòng đời, kể từ lúc mang thai cho đến lúc trưởng thành và đặc biệt là dành cho người đã chết. Tuy nhiên, ma cũng vừa là nguyên nhân, vừa là hệ quả mà chính họ cũng không thực sự giải quyết được một cách hữu hiệu vấn đề tỉ lệ chết như trên đã trình bày. Chính vì vậy, cho đến hiện nay, người Arem vẫn còn bị ảnh hưởng rất lớn, chịu vướng nhiều trong vòng luẩn quẩn ấy. Thực trạng đó cho thấy vẫn còn vô vàn những khó khăn đến nghiệt ngã cho công tác định canh định cư, đặc biệt là trong việc tuyên truyền vận động đồng bào thực hiện cuộc sống mới trên nhiều lĩnh vực đời sống: kinh tế, văn hoá, y tế, v.v... đòi hỏi sự cố gắng không mệt mỏi, phương pháp làm việc khoa học hơn nữa của những cán bộ làm công tác phát triển miền núi trong chương trình phối hợp hành động chiến lược liên ngành định canh định cư - lâm nghiệp - giáo dục - y tế - văn hoá./.

Chú thích:

1. Tức là ở km 39 của đường 20: đi từ Xuân Sơn lên, cách Phong Nha 3 km là km số 0.
2. Có lẽ, số di dân số Arem có sự biến thiên rõ rệt như vậy là bởi ngoài tác động mạnh mẽ của các biến cố lịch sử xã hội. Các cuộc điều tra qua các thời kỳ của các tác giả cũng không thống nhất tiêu chí phân định thành phần nhóm người, chưa khảo sát hết một cách đầy đủ địa bàn cư trú của họ, đáng chú ý là tình trạng kết hợp hôn nhân giữa các nhóm tộc người.
3. Nguyễn Bình. *Sơ lược giới thiệu các dân tộc ở miền núi Quảng Bình - Dân tộc Arem*. Hà Nội, Tạp san Dân tộc, số 24, 1961, tr. 35.
4. So sánh trong khoảng 35 năm, giảm khoảng 17 người = 17%. Xem: Trần Trí Dồi. *Thực trạng kinh tế và văn hoá của ba nhóm tộc người đang có nguy cơ bị biến mất*. Hà Nội, Nxb Văn hoá Dân tộc, 1995.
5. Trong số 29 hộ dân sống ở Tân Trạch, có 13 hộ thuần Arem, 08 hộ chổng Arem vợ Makoong, 01 hộ chổng Arem vợ Sách và 07 hộ thuần Makoong. Số người Arem tính ra (kể cả con cái của người người chổng Arem) tổng cộng chỉ có 77 người. Xem: Lâm Bá Nam. *Đôi nét về người Arem ở miền Tây huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình*. Tạp chí Dân tộc học, số 2/1996, tr. 50.

6. Trong số đó có 01 người Kinh (làm dâu), 10 người Vân Kiều (01 làm dâu, 01 hộ 9 người), 40 người Makoong (27 người/7 hộ Makoong, 05 hộ chồng Makoong lấy vợ Arem). Như vậy, thực tế người Arem (kể cả con cái được tính theo dòng cha là Arem) hiện nay ở Tân Trạch chỉ 131 người (Số liệu của UBND xã Tân Trạch cuối năm 2002).

Ngoài ra, theo số liệu điều tra thực tế của chúng tôi cũng như trong Niên giám thống kê huyện Bố Trạch, huyện Minh Hoá năm 2002 thì hiện nay có 02 người Arem sống ở Thượng Trạch và 78 người được gộp xếp chung vào nhóm Thổ - Arem ở Minh Hoá.

7. Người Makoong cận cư (ở xã Thượng Trạch) cũng có loại hình kiến trúc tương tự, được gọi là *dung-xu*.

8. Thâm chí sân chơi của trẻ em - nơi hội họp của dân bản hay dưới nhà sàn cũng là chuồng bò, nơi chăn thả lợn, gà...

9. Trần Trí Dõi. TLdd, tr. tr. 42.

10. Lúc này, nếu người chết là phụ nữ thì đơn giản, lễ cơ bản đã xong; nhưng nếu là đàn ông thì lễ cúng sẽ trở nên rất gay gắt. Theo phong tục tập quán người Arem, xuất phát từ tục bỏ của - giữ của trong hôn nhân, người phụ nữ khi chồng chết, trong buổi lễ đưa ma, trước toàn thể nhà chồng và bà con dân bản, họ có quyền chọn lựa một trong ba con đường: Thứ nhất trở về nhà bố mẹ đẻ chỉ với duy nhất một bộ quần áo trên người, để lại tất cả, kể cả đứa con còn nhỏ cho nhà chồng; Thứ hai được lấy bất cứ một người đàn ông nào của nhà chồng nếu hai người đồng thuận, cho dù đó là chú bác hay cháu chắt; và thứ ba họ cứ ở vậy nuôi con và nếu sau này có người đi hỏi, đồng ý thì nhà chồng sẽ đứng ra gả bán và thu lại tài sản như là gả bán một đứa con gái trong nhà. Trước một cuộc họp "hội đồng" đầy đủ như vậy, quyết định của người phụ nữ sẽ lập tức được tôn trọng, không ai có quyền can thiệp.

11. Lâm Bá Nam. TLdd.

12. Chính vì vậy, ở các cộng đồng người thiểu số miền núi Quảng Bình đều tồn tại khá phổ biến kiểu thức truyện cổ "Rú đi đánh biển" - tức là rú đi tìm nước (Xem thêm: Đinh Thanh Dự, *Truyện dân gian Chứt - Nguồn ở Quảng Bình*, Tập I. Giải III Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam 1996, tr. 49-54).

THÔNG BÁO

Thi hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tạp chí thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 1034/QĐ-KHXH, Hà Nội ngày 23 tháng 6 năm 2005 của Chủ tịch Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Tổng Biên tập Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo xin trân trọng thông báo:

- Năm 2006, Tạp chí NCTG vẫn phát hành đều kì 2 tháng 1 số (6 số/năm), 76 trang (không kể bìa), khổ 19x27.

- Giá bán một cuốn là: 15.000đ (Mười lăm nghìn đồng).

Bạn đọc có nhu cầu xin liên hệ: Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, 27 - Trần Xuân Soạn, Hà Nội.

Điện thoại: (04)9784864 - (04)9784870; **Fax:** (84-04)9763813;

Email: TG@Fmail.vnn.vn

Hình thức thanh toán:

- Trực tiếp thanh toán tại Tòa soạn.
- Chuyển tiền qua bưu điện về địa chỉ Tòa soạn.
- Thanh toán qua chuyển khoản và uỷ nhiệm chi qua kho bạc.

Tài khoản: 931.01.064, Kho bạc Nhà nước Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO